

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024

Năm 2024, tình hình chính trị, an ninh thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột quân sự, căng thẳng trên Biển Đỏ, dải Ga Za và ở một số quốc gia, khu vực gia tăng; kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc, thị trường tài chính tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa, vận tải thế giới biến động mạnh, liên tục... ảnh hưởng đến kinh tế nước ta. Trong nước, kinh tế tiếp tục duy trì tăng trưởng, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển; song, các khó khăn, thách thức vẫn rất lớn, sản xuất kinh doanh của một số ngành, lĩnh vực còn nhiều khó khăn; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là bão số 3, số 4 và mưa lũ sau bão gây thiệt hại nặng về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Trong tình, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức rất lớn.

Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra ngay từ đầu năm; tập trung xử lý các hạn chế, yếu kém tồn đọng, phản ứng nhanh chóng với những vấn đề mới phát sinh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển; cùng với sự quan tâm giúp đỡ của trung ương, sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh có nhiều khởi sắc và đạt kết quả tích cực trên hầu hết các lĩnh vực; cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu tính toán và công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (GRDP) ước tính năm 2024 tăng 12,16% so với năm 2023; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,17%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 17,62% (riêng công nghiệp tăng 21,67%); các ngành dịch vụ tăng 8,12%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,38%.

Về cơ cấu kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,39%, giảm 0,76%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 49,93%, tăng 1,67%; các ngành dịch vụ chiếm 30,63%, giảm 0,70%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,05%, giảm 0,22% so với năm 2023.

GRDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 84,8 triệu đồng, tương đương với 3.494 đô la Mỹ.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

a1) Cây hàng năm

Năm 2024, sản xuất vụ đông diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục quan tâm chỉ đạo; ban hành kịp

thời, thiết thực và có hiệu quả nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất vụ đông đối với các hộ nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã. Đặc biệt, nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao đã được các địa phương gieo trồng. Vụ chiêm xuân diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, các đợt mưa rào xuất hiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cây trồng, cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt và đồng đều; giá vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cơ bản ổn định; các loại cây trồng ít bị sâu bệnh gây hại. Vì vậy, năng suất nhiều loại cây trồng cao hơn vụ chiêm xuân năm trước, riêng năng suất lúa đạt cao nhất từ trước đến nay. Vụ thu mùa chịu ảnh hưởng của diễn biến thời tiết phức tạp, đầu vụ có nhiều đợt nắng nóng gay gắt, gây khó khăn trong việc gieo trồng; cuối vụ chịu ảnh hưởng của bão số 3 (bão Yagi) và các đợt mưa lũ. Tuy nhiên, các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công tác thủy lợi chủ động, đáp ứng kịp thời và đạt hiệu quả cao; dịch vụ cơ giới hóa ngày càng phát triển và mở rộng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương tăng cường công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để sản xuất vụ thu mùa năm nay đạt kết quả cao nhất.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh năm 2024 đạt 392,4 nghìn ha, đạt 101,1% kế hoạch, tăng 0,6% so với cùng kỳ¹. Năng suất một số cây trồng chính cả năm 2024 như sau: Lúa 61,3 tạ/ha, bằng 102,2% kế hoạch, giảm 0,2% so với cùng kỳ (giảm 0,2 tạ/ha); trong đó, vụ chiêm xuân 67,5 tạ/ha, tăng 0,6% so với cùng kỳ, vụ thu mùa 55,1 tạ/ha, giảm 1,2% so với cùng kỳ; ngô 47,8 tạ/ha, đạt 101,7% kế hoạch, tăng 1,0%; lạc 22,9 tạ/ha, đạt 109,3%, tăng 1,4%; đậu tương 15,6 tạ/ha, tăng 0,9%; mía 654,5 tạ/ha, đạt 96,3% kế hoạch, giảm 0,2% so với cùng kỳ; sắn 164,0 tạ/ha, đạt 96,3% kế hoạch, tăng 0,8% so với cùng kỳ... Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2024 đạt 1.569,1 nghìn tấn, đạt 101,9% kế hoạch và giảm 0,1% so với năm 2023.

Đến ngày 15/12/2024, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ đông năm 2024 - 2025. Tổng diện tích gieo trồng đạt 44,5 nghìn ha, đạt 94,7% kế hoạch, giảm 4,3% so với vụ đông năm 2023 - 2024; trong đó, cây ngô 13.024 ha, giảm 0,4%; cây lạc 1.269 ha, tăng 7,0%; cây khoai lang 1.739 ha, giảm 9,6%; khoai tây 690 ha, giảm 0,3%; đậu tương 179 ha, giảm 1,6%; cây ớt 1.265 ha, giảm 1,1%; rau màu và các cây trồng khác 26.344 ha, giảm 6,5%.

a2) Cây lâu năm

Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính ước tính năm 2024 như sau: Chè 291 ha, giảm 0,4% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 258 ha, tăng 18,6% so cùng kỳ), năng suất 69,1 tạ/ha, tăng 1,1% so cùng kỳ, sản lượng 1.782 tấn, tăng 19,9% so cùng kỳ; cao su 5.767 ha, giảm 4,0% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 5.230 ha, giảm 5,2% so cùng kỳ), năng suất 4,9 tạ/ha, tăng 0,7% so cùng kỳ, sản lượng 2.585 tấn, giảm 4,5% so cùng kỳ; cam 1.091 ha, giảm 4,9% so cùng kỳ

¹ Vụ đông 47,1 nghìn ha, bằng 104,6% KH và tăng 0,1% so CK; vụ chiêm xuân 190,7 nghìn ha, đạt 99,8% KH và giảm 0,2% so CK; vụ mùa 154,6 nghìn ha, đạt 101,7% KH, tăng 1,6% so CK.

(diện tích thu hoạch 1.080 ha, tăng 2,3% so cùng kỳ), năng suất 125,8 tạ/ha, tăng 1,4% so cùng kỳ, sản lượng 13.585 tấn, tăng 3,8% so cùng kỳ; xoài 837 ha, tăng 12,7% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 817 ha, tăng 17,8% so cùng kỳ), năng suất 29,6 tạ/ha, tăng 0,3% so cùng kỳ, sản lượng 2.420 tấn, tăng 18,1% so cùng kỳ năm trước.

b) Chăn nuôi

Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, công tác phòng, chống dịch bệnh được chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm. Ước tính tại thời điểm 01/01/2025, số lượng đàn gia súc gia cầm toàn tỉnh như sau: Đàn trâu 116,0 nghìn con; đàn bò 209,1 nghìn con; đàn lợn 1.276,0 nghìn con; gia cầm 27,9 triệu con. So với thời điểm 01/01/2024, đàn trâu giảm 11,9%; đàn bò giảm 10,4%; đàn lợn tăng 5,3%; đàn gia cầm tăng 4,2%. Ước tính năm 2024, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 317,1 nghìn tấn, tăng 6,7% so với năm 2023²; sản lượng trứng gia cầm đạt 303,1 triệu quả, tăng 8,2% so với năm 2023; sản lượng sữa bò tươi đạt 63,45 nghìn tấn, tăng 16,0 so với năm 2023.

2.2. Lâm nghiệp

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Ước tính năm 2024, diện tích trồng rừng mới tập trung 12,75 nghìn ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ; trồng cây phân tán 5,57 triệu cây, tăng 4,5% so cùng kỳ; diện tích rừng trồng được chăm sóc 40 nghìn ha, bằng cùng kỳ... Khai thác lâm sản: Gỗ 990,5 nghìn m³, tăng 8,8% so với cùng kỳ; củi khai thác 1.180 nghìn ster, tăng 2,6%; tre luồng 64,5 triệu cây, tăng 3,2%; nguyên liệu sản xuất giấy 84,5 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, các ngành chức năng luôn phối hợp với các địa phương và ban quản lý dự án tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Năm 2024 trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững.

2.3. Thủy sản

Sản xuất thủy sản trong năm 2024 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, không xảy ra dịch bệnh trên các con nuôi. Tuy nhiên, việc kiểm soát và xử lý tàu cá vi phạm các quy định về chống khai thác IUU đã ảnh hưởng đến sản lượng thủy sản khai thác biển. Sản lượng thủy sản năm 2024 ước đạt 219,3 nghìn tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng nuôi trồng 76,6 nghìn tấn, tăng 4,2%; sản lượng khai thác 142,7 nghìn tấn, tăng 0,4%. Đã tập trung phát triển nuôi các đối tượng chủ lực như tôm, ngao...; đẩy mạnh triển khai mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo hướng công nghệ cao, nuôi trong nhà màng, nhà nước.

3. Sản xuất công nghiệp

Năm 2024, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và có bước phát triển. Các doanh nghiệp ngành may, sản xuất giày, dép có nhiều đơn hàng, hoạt

² Trong đó: Thịt trâu hơi 15,3 nghìn tấn, tăng 2,5%; thịt bò hơi 22,9 nghìn tấn, tăng 3,6%; thịt lợn hơi 174,75 nghìn tấn, tăng 7,4%; thịt gia cầm giết bán 87,8 nghìn tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

động sản xuất kinh doanh ổn định; Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn³, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn I, Nghi Sơn II tăng công suất và hoạt động ổn định. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có thêm một số cơ sở công nghiệp mới đi vào hoạt động⁴, nên sản xuất công nghiệp ổn định, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 12/2024 tăng 3,08% so với tháng trước, tăng 19,48% so với tháng cùng kỳ⁵. Tính chung cả năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 19,26% so với năm 2023⁶.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chia theo 4 quý trong năm 2024: Quý I tăng 19,85%; quý II tăng 12,08%; quý III tăng 26,16%; quý IV tăng 19,52% so với cùng kỳ năm 2023⁷.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh, năm 2024 so với năm 2023 như sau: Dầu thực vật 199,2 nghìn tấn, giảm 0,9%; đường tinh luyện 82,1 nghìn tấn, tăng 85,9%; tinh bột sắn 28,1 nghìn tấn, giảm 17,9%; bia các loại 32,5 triệu lít, giảm 12,0%; thuốc lá bao 327 triệu bao, tăng 29,8%; quần áo các loại 758,7 triệu cái, tăng 21,2%; giày, dép thể thao xuất khẩu 328,4 triệu đôi, tăng 30,4%; xăng động cơ 3.669 nghìn tấn, tăng 32,0%; dầu nhiên liệu 6.104,4 nghìn tấn, tăng 37,7%; lưu huỳnh dạng hạt 368,9 nghìn tấn, tăng 31,7%; benzen 330,5 nghìn tấn, tăng 53,5%; gạch xây dựng bằng đất nung 875,2 triệu viên, tăng 13,4% so cùng kỳ; xi măng Portland đen 19,3 triệu tấn, tăng 7,4%; sắt, thép các loại 4.246 nghìn tấn, tăng 14,0%; điện sản xuất 12.689 triệu kwh, tăng 16,3%; nước máy 57,4 triệu m³, tăng 3,3%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2024 dự kiến tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 25,66% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,82% so với năm 2023.

Chỉ số tồn kho tháng 12/2024 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến tăng 9,10% so với tháng trước; tăng 18,66% so với tháng cùng kỳ năm trước.

³ Năm 2023, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn tiến hành bảo dưỡng tổng thể lần đầu toàn bộ nhà máy, thời gian bảo dưỡng 55 ngày (bắt đầu từ ngày 25/8/2023).

⁴ Nhà máy Công nghiệp SAB Việt Nam tại KCN Bim Sơn; nhà máy sản xuất thực phẩm đóng hộp từ thủy sản Lê Gia tại huyện Hoằng Hóa; nhà máy giày tại xã Thiệu Phú, Thiệu Hóa; nhà máy giày Thường Xuân...

⁵ Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 2,90% so với tháng trước, tăng 10,52% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,55% so với tháng trước, tăng 22,24% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 4,10% so với tháng trước, giảm 13,92% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,35% so với tháng trước, tăng 10,79% so với tháng cùng kỳ.

⁶ Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 13,29%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,62%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 15,56%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,74% so cùng kỳ.

⁷ Công nghiệp khai khoáng, quý I tăng 18,48%; quý II tăng 13,86%; quý III tăng 11,68%; quý IV tăng 10,06% so với cùng kỳ năm 2023. Công nghiệp chế biến, chế tạo, quý I tăng 18,60%; quý II tăng 10,50%; quý III tăng 27,50%; quý IV tăng 22,22% so với cùng kỳ năm 2023. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, quý I tăng 38,54%; quý II tăng 32,81%; quý III tăng 12,27%; quý IV giảm 12,47% so với cùng kỳ năm 2023. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, quý I tăng 6,25%; quý II tăng 5,62%; quý III tăng 4,36%; quý IV tăng 11,06% so với cùng kỳ năm 2023.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 12/2024 tăng 1,31% so với tháng trước, tăng 3,16% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2024, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 8,96% so với năm 2023.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Phát triển doanh nghiệp năm 2024 tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đến ngày 20/11/2024, toàn tỉnh thành lập mới 3.107 doanh nghiệp, bằng 103,6% kế hoạch, tăng 5,7% so với cùng kỳ, đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ và thứ 8 cả nước; có 762 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 7,7%; có 1.319 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tăng 16,9%. Ước tính cả năm 2024, thành lập mới khoảng 3.300 doanh nghiệp, vượt 10% kế hoạch. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã được tăng cường; năm 2024 có 60 hợp tác xã được thành lập, gấp 2,4 lần so với kế hoạch.

5. Đầu tư và xây dựng

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 do tỉnh quản lý đã được giao kế hoạch chi tiết sớm ngay từ đầu năm; Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập và chỉ đạo 05 Tổ công tác tổ chức kiểm tra, đôn đốc, khơi thông các “điểm nghẽn” để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; tổ chức các hội nghị giao ban giữa UBND tỉnh với UBND cấp huyện, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan về tình hình thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, giải phóng mặt bằng và giải quyết những khó khăn, bất cập trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc nhà thầu thi công tập trung nhân lực, vật tư, máy móc, thiết bị, thi công, hoàn thành hồ sơ, thủ tục để thanh toán ngay phần khối lượng đã hoàn thành theo quy định, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tính đến ngày 15/11/2024, giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đạt 10.139 tỷ đồng, bằng 70,2% kế hoạch, cao hơn 6,6% so với cùng kỳ.

Năm 2024, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 138.865 tỷ đồng, bằng 102,9% kế hoạch, tăng 4,5% so với cùng kỳ⁸; đã thu hút được 102 dự án (trong đó có 17 dự án FDI), với tổng vốn đăng ký 12.890,1 tỷ đồng và 367,9 triệu USD, so với cùng kỳ gấp 1,4 lần về số dự án và tăng 10,9% về số vốn đăng ký.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương năm 2024 ước đạt 12.858 tỷ đồng, đạt 96,7% kế hoạch năm và tăng 17,5% so với năm 2023⁹; bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 5.215,2 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 4.147,4 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cùng

⁸ Trong đó: Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước 17.857 tỷ đồng, tăng 16,2%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước 3.483 tỷ đồng, giảm 9,5%; vốn vay từ các nguồn khác của khu vực nhà nước 5.012 tỷ đồng, giảm 7,0%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 95.548 tỷ đồng, tăng 3,7%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 11.866 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2023...

⁹ Quý I tăng 2,7%, quý II tăng 7,0%, quý III tăng 18,4%, quý IV tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2023.

kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 3.495,3 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2023.

6. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước đạt 54.341 tỷ đồng, bằng 152,8% dự toán, tăng 25,9% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa ước đạt 33.960 tỷ đồng, bằng 154,2% dự toán, tăng 28,6% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 20.381 tỷ đồng, bằng 150,4% dự toán, tăng 21,6% so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu tăng mạnh so với cùng kỳ như: Thu tiền sử dụng đất tăng 48,4%, thuế bảo vệ môi trường tăng 28,0%, thuế thu nhập cá nhân tăng 11,0%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 35,1%,...

Chi ngân sách nhà nước năm 2024 ước đạt 46.947 tỷ đồng, bằng 109,0% dự toán, tăng 13,4% so với cùng kỳ; trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt 13.842 tỷ đồng, chiếm 29,5% tổng chi ngân sách nhà nước, bằng 114,2% dự toán, tăng 0,6% so với cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt 30.717 tỷ đồng, chiếm 65,4%, bằng 106,8% dự toán và tăng 20,5%.

7. Hoạt động ngân hàng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thanh Hóa, huy động vốn của các tổ chức tín dụng năm 2024¹⁰ ước đạt 186.583 tỷ đồng, tăng 9,5% so với đầu năm; tổng dư nợ ước đạt 219.252 tỷ đồng, tăng 12,8%. Các tổ chức tín dụng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng của người dân và doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ¹¹ cho 426 lượt khách hàng, với tổng giá trị nợ được cơ cấu là 1.729 tỷ đồng; đến nay, có 4.874 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng, với dư nợ 58.283 tỷ đồng.

8. Thương mại, giá cả, vận tải, du lịch

Trong năm 2024, thương mại nội địa hoạt động sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào; không có hiện tượng găm hàng, sốt giá. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh, phòng chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được tăng cường. Hoạt động vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Hoạt động du lịch khởi sắc ngay từ đầu năm; đã tổ chức các hoạt động xúc tiến, kết nối du lịch với các tỉnh, thành phố có lợi thế phát triển du lịch; tổ chức thành công các sự kiện lớn về văn hóa, thể thao, du lịch, đưa vào khai thác các dịch vụ vui chơi giải trí tại Công viên nước Sun World Sầm Sơn và Flamingo Ibiza Hải Tiên, góp phần thu hút đông đảo du khách.

8.1. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

¹⁰ Không bao gồm Ngân hàng Phát triển.

¹¹ Theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước.

Tháng 12/2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 13.811 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước, tăng 14,7% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 152.526 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2023¹². Doanh thu bán lẻ hàng hóa cả năm 2024 chia theo các quý và so với cùng kỳ năm 2023: Quý I đạt 36.332 tỷ đồng, tăng 10,5%; quý II đạt 37.024,2 tỷ đồng, tăng 14,3%; quý III đạt 38.596 tỷ đồng, tăng 13,4%; quý IV đạt 40.574,3 tỷ đồng, tăng 15,1%.

8.2. Hoạt động lưu trú và ăn uống

Tháng 12/2024, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 1.980,4 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước, tăng 24,3% so với tháng cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú 352,3 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 28,3% so với tháng cùng kỳ; doanh thu ăn uống 1.628,1 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 23,5% so với tháng cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành đạt 22,4 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước, tăng 15,8% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 2.050,7 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 15,5% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2024, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 22.204 tỷ đồng, tăng 22,3% so với năm 2023¹³; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 4.667 tỷ đồng, tăng 26,6%¹⁴; doanh thu ăn uống đạt 17.537 tỷ đồng, tăng 21,2%¹⁵; doanh thu du lịch lữ hành đạt 283 tỷ đồng, tăng 20,0%¹⁶; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 22.869 tỷ đồng, tăng 15,1%¹⁷.

8.3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 giảm 0,17% so với tháng trước, tăng 2,34% so với tháng 12/2023. Bình quân 12 tháng năm 2024, CPI tăng 2,80% so với cùng kỳ năm trước¹⁸ (bình quân quý I tăng 2,29%; bình quân quý II tăng 3,43%; bình quân quý III tăng 2,77%; bình quân quý IV tăng 2,62%).

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2024 giảm 0,17% so với tháng trước. Có 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, gồm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,79% (lương thực tăng 0,42%, thực phẩm giảm 1,07%, ăn uống ngoài gia đình giảm 0,68%); nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,01%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,05%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,20%. Có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: nhóm đồ uống và thuốc lá tăng

¹² Trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm 70.511 tỷ đồng, tăng 15,9%; hàng may mặc 8.247 tỷ đồng, tăng 9,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 14.507 tỷ đồng, tăng 4,8%; vật phẩm văn hoá, giáo dục 1.434 tỷ đồng, tăng 13,5%; ô tô các loại 5.321 tỷ đồng, tăng 5,9%; phương tiện đi lại (trừ ô tô và kể cả phụ tùng) 6.637 tỷ đồng, tăng 5,9%; xăng, dầu 19.668 tỷ đồng, tăng 16,8% so với năm 2023...

¹³ Quý I gấp 2,36 lần, quý II tăng 13,4%, quý III tăng 10,8%, quý IV tăng 10,9% so cùng kỳ.

¹⁴ Quý I gấp 2,29 lần, quý II tăng 32,9%, quý III tăng 20,6%, quý IV tăng 10,5% so cùng kỳ.

¹⁵ Quý I gấp 2,37 lần, quý II tăng 10,7%, quý III tăng 9,5%, quý IV tăng 10,4% so cùng kỳ.

¹⁶ Quý I gấp 12,4 lần, quý II tăng 17,1%, quý III tăng 0,1%, quý IV tăng 7,6% so cùng kỳ.

¹⁷ Quý I tăng 2,7%, quý II giảm 1,7%, quý III giảm 0,2%; quý IV giảm 1,3% so cùng kỳ.

¹⁸ Tốc độ tăng CPI bình quân năm so với cùng kỳ của các năm từ 2016 - 2024 lần lượt là: 2,19%; 2,84%; 3,90%; 2,60%; 4,56%; 1,53%; 3,60%; 3,55%; 2,80%.

0,31%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,38%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,34%; nhóm giao thông tăng 0,62%; nhóm giáo dục tăng 0,01%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,17%. Duy nhất, nhóm bưu chính viễn thông giá cả ổn định, chỉ số giá không tăng, không giảm.

Chỉ số giá vàng tháng 12/2024 giảm 2,32% so với tháng trước, tăng 36,84% so với tháng 12/2023; bình quân 12 tháng năm 2024 tăng 32,67% so với bình quân cùng kỳ năm 2024 (bình quân quý I tăng 19,87%; bình quân quý II tăng 33,37%; bình quân quý III tăng 35,69%; bình quân quý IV tăng 42,80%). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2024 tăng 0,12% so với tháng trước, tăng 4,34% so với tháng 12/2023; bình quân 12 tháng năm 2024 tăng 4,92% so với bình quân cùng kỳ năm 2023 (bình quân quý I tăng 3,90%; bình quân quý II tăng 7,51%; bình quân quý III tăng 5,18%; bình quân quý IV tăng 3,13%).

8.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Năm 2024, hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân và phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tháng 12/2024, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.867 tỷ đồng, tăng 3,2% so với tháng trước, tăng 15,4% so với tháng cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 370,1 tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước, tăng 13,9% so với tháng cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 954,4 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước, tăng 21,5% so với tháng cùng kỳ. Hành khách vận chuyển đạt 2.362 nghìn người, tăng 3,4% so với tháng trước, tăng 9,9% so với tháng cùng kỳ; hành khách luân chuyển đạt 257.006 nghìn người.km, tăng 3,7% so với tháng trước, tăng 12,9% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa vận chuyển đạt 5.136 nghìn tấn, tăng 2,9% so với tháng trước, tăng 18,3% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa luân chuyển 307.636 nghìn tấn.km, tăng 2,9% so với tháng trước, tăng 17,5% so với tháng cùng kỳ.

Năm 2024, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 20.485 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ¹⁹; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 3.971 tỷ đồng, tăng 15,0%²⁰; doanh thu vận tải hàng hóa 10.577 tỷ đồng, tăng 18,1%²¹. Vận chuyển hành khách 25,9 triệu người, luân chuyển hành khách 2.783,4 triệu người.km, tăng 11,3% về hành khách vận chuyển²², tăng 14,1% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ²³; vận chuyển hàng hoá đạt 57,6 triệu tấn, luân chuyển hàng hoá đạt 3.464,9 triệu tấn.km, tăng 13,8% về hàng hóa vận chuyển²⁴, tăng 14,5% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ²⁵.

9. Một số vấn đề xã hội

¹⁹ Quý I tăng 14,1%, quý II tăng 13,9%, quý III tăng 15,1%, quý IV tăng 14,7% so cùng kỳ.

²⁰ Quý I tăng 13,3%, quý II tăng 16,2%, quý III tăng 16,9%, quý IV tăng 13,6% so cùng kỳ.

²¹ Quý I tăng 15,7%, quý II tăng 17,7%, quý III tăng 18,6%, quý IV tăng 20,2% so cùng kỳ.

²² Quý I tăng 11,3%, quý II tăng 12,2%, quý III tăng 12,6%, quý IV tăng 9,3% so cùng kỳ.

²³ Quý I tăng 12,7%, quý II tăng 15,2%, quý III tăng 15,8%, quý IV tăng 12,5% so cùng kỳ.

²⁴ Quý I tăng 10,1%, quý II tăng 13,2%, quý III tăng 14,9%, quý IV tăng 17,0% so cùng kỳ.

²⁵ Quý I tăng 11,2%, quý II tăng 14,3%, quý III tăng 15,7%, quý IV tăng 16,8% so cùng kỳ.

9.1. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

Năm 2024, đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, công tác an sinh xã hội được đảm bảo; tỉnh triển khai thực hiện công tác chi trả trợ cấp đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách người có công và thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng cho gần 65.300 đối tượng là người có công với cách mạng và thân nhân với tổng kinh phí thực hiện trên 153,8 tỷ đồng/tháng. Tiếp tục chú trọng xử lý và giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân theo đúng quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Các địa phương đã tổ chức chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho 187.646 đối tượng và hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí trên 100 tỷ đồng/tháng. Bên cạnh đó, trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn, các địa phương tổ chức chúc thọ, mừng thọ đối với 69.047 người cao tuổi, tổng kinh phí thực hiện trên 31 tỷ đồng; thăm, tặng vải lụa và trao Thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước cho 1.023 công dân tròn 100 tuổi với tổng kinh phí thực hiện gần 300 triệu đồng. Các đoàn công tác của lãnh đạo tỉnh đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà người có công và hộ gia đình người có công tại 27/27 huyện, thị xã, thành phố; kinh phí thực hiện 202,5 triệu đồng.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; tỉnh đã phát động Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”, trở thành phong trào có sức lan tỏa sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân; đến nay, các tổ chức, cá nhân đã ủng hộ tổng kinh phí 241,6 tỷ đồng để xây dựng mới và sửa chữa 2.263 căn nhà cho các hộ gia đình. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 của tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025) ước còn khoảng 2,02%, giảm 1,5% so với năm 2023.

9.2. Dân số, lao động, việc làm

Năm 2024, dân số trung bình tỉnh Thanh Hóa ước đạt 3.764,2 nghìn người, tăng 24,8 nghìn người so với năm 2023, tốc độ tăng dân số 0,66%; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên 1.991,3 nghìn người, tăng 0,70% (tương ứng với tăng 13,9 nghìn người) so với năm 2023; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc 1.968,9 nghìn người, tăng 0,61% (tương ứng với tăng 11,9 nghìn người) so với năm 2023. Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, dự kiến năm 2024, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 62,4 nghìn lao động, bằng 107,5% kế hoạch, tương đương với năm 2023; trong đó có khoảng 13,8 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài, gấp 2,3 lần kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 74%. Công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động được siết chặt, nhất là tại các cơ sở sản xuất công nghiệp có dây chuyền máy móc quy mô lớn, phức tạp. Giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 24.136 lao động.

9.3. Y tế

Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường; đã triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời các biện pháp dập dịch

bach hầu tại thị trấn Mường Lát; các khó khăn, vướng mắc trong việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập từng bước được giải quyết. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, ứng dụng kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân²⁶. Quản lý hành nghề y, dược tư nhân được kiểm soát chặt chẽ²⁷; công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường²⁸, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

9.4. Giáo dục - Đào tạo

Hoạt động giáo dục và đào tạo đạt kết quả tích cực; các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 và triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được giữ vững; tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023 - 2024, tỉnh dẫn đầu cả nước về tỷ lệ thí sinh dự thi đạt giải (93%)²⁹ và xếp thứ 4 toàn quốc về số lượng thí sinh đạt giải nhất; tại các kỳ thi quốc tế, học sinh tỉnh ta giành 01 huy chương bạc Olympic Vật lý và 01 huy chương đồng Olympic Hóa học quốc tế Mendeleev lần thứ 58. Giáo dục đại trà có chuyển biến tích cực, tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, Thanh Hóa là địa phương có số điểm 10 cao nhất cả nước (914 điểm 10), điểm thi trung bình là 6,82 đứng thứ 18 cả nước, tăng 03 bậc so với năm 2023, có 02 thủ khoa toàn quốc (khối C00 và A08). Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh ước đạt 86,67%.

9.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa thông tin đã tập trung tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng, các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội; giới thiệu quảng bá, hình ảnh tốt đẹp về Thanh Hóa đến bạn bè trong nước và quốc tế; công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch về các vấn đề tôn giáo, dân tộc... Công tác quản lý, theo dõi thông tin báo chí được tăng cường; kịp thời chỉ đạo, kiểm tra, xử lý những vấn đề báo chí quan tâm, phản ánh.

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm thực hiện. Năm 2024 có thêm 04 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia³⁰; tu bổ, tôn tạo 30 di tích văn hóa. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và thể thao quần chúng được duy trì³¹; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm 2025 ước đạt 83%; số người tham gia tập luyện

²⁶ Đã bổ sung danh mục kỹ thuật cho 26 đơn vị với trên 500 kỹ thuật. Tiếp tục triển khai thực hiện Bệnh án điện tử, kê đơn thuốc điện tử; đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới tại các đơn vị tuyến tỉnh, huyện. Triển khai Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa (VTelehealth)...

²⁷ Cấp mới, cấp lại, điều chỉnh 543 chứng chỉ hành nghề dược, 954 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

²⁸ Tổ chức 31 cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về ATTP tại 800 cơ sở; trong đó phát hiện 6 cơ sở vi phạm và thực hiện xử lý vi phạm hành chính.

²⁹ Toàn tỉnh có 84/90 học sinh dự thi đoạt giải; gồm: 9 giải nhất, 22 giải nhì, 23 giải ba, 30 giải khuyến khích; tăng 23 giải so với năm học 2022 - 2023.

³⁰ Lễ Hội Đèn Quang Trung, phường Hải Thanh và xã Nghi Sơn, Thị xã Nghi Sơn; Nghệ thuật trình diễn dân gian hát nhà trò Văn Trinh, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương; Nghệ thuật trình diễn dân gian Ru Ún (hát ru) của người Mường, huyện Ngọc Lặc; Lễ Hội Trá Mùn của người Thái, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.

³¹ Tổ chức và phối hợp tổ chức 15 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh, 04 giải quần chúng quy mô cấp quốc gia.

thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 44,6%; số gia đình thể thao ước đạt 30,8%; thể thao thành tích cao tham gia thi đấu 128 giải, đạt 956 huy chương các loại³²; Câu lạc bộ Bóng đá Đông Á Thanh Hóa bảo vệ thành công danh hiệu Vô địch Cúp Quốc gia năm 2024.

9.6. Tai nạn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, năm 2024 (tính từ đầu năm đến ngày 14/12/2024) trên địa bàn tỉnh xảy ra 905 vụ tai nạn giao thông, làm chết 406 người, bị thương 738 người; so với cùng kỳ năm 2023, giảm 3,3% về số vụ (giảm 31 vụ), giảm 5,8% về số người chết (giảm 25 người), giảm 7,4% về số người bị thương (giảm 59 người). Trong đó, quý I xảy ra 267 vụ, làm chết 97 người, bị thương 257 người; quý II xảy ra 211 vụ, làm chết 78 người, bị thương 190 người; quý III xảy ra 216 vụ, làm chết 116 người, bị thương 150 người; quý IV (thống kê đến ngày 14/12/2024) xảy ra 211 vụ, làm chết 115 người, bị thương 141 người.

9.7. Cháy, nổ

Theo báo cáo của Công an tỉnh, năm 2024 (tính từ đầu năm đến ngày 14/12/2024) trên địa bàn tỉnh xảy ra 94 vụ cháy, nổ; làm chết 04 người chết, không có người bị thương; thiệt hại về tài sản trị giá 8.291 triệu đồng. Chia theo các quý trong năm: quý I xảy ra 41 vụ, làm chết 03 người chết, giá trị thiệt hại 2.033 triệu đồng; quý II xảy ra 23 vụ, giá trị thiệt hại 1.668 triệu đồng; quý III xảy ra 19 vụ, làm chết 01 người chết, giá trị thiệt hại 4.446 triệu đồng; quý IV (thống kê đến ngày 14/12/2024) xảy ra 11 vụ, giá trị thiệt hại 144 triệu đồng.

9.8. Thiệt hại do thiên tai

Theo báo cáo của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 13 đợt thiên tai, gây thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giá trị thiệt hại khoảng 1.104 tỷ đồng. Trong đó, 02 đợt thiên tai gây thiệt hại nặng nề gồm:

- Do ảnh hưởng của bão số 3 (bão Yagi), hoàn lưu bão và dải hội tụ nhiệt đới có trục qua Bắc Bộ, từ ngày 06/9/2024 đến 07 giờ ngày 12/9/2024 khu vực tỉnh Thanh Hoá đã có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to và dông, lượng mưa phổ biến từ 200 - 300 mm, một số nơi có lượng mưa lớn, như: Trạm khí tượng Nga Sơn 392mm, Trạm khí tượng Bái Thượng 372 mm (Thọ Xuân), Trạm thủy văn Cẩm Thủy 348 mm. Bão số 3 và mưa, lũ sau bão đã gây thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh³³; tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 305 tỷ đồng.

³² Trong đó: 292 HCV, 266 HCB và 398 HCD.

³³ Thiệt hại tính đến 10 giờ ngày 12/9/2024 như sau: Về người: 01 người chết và 02 người bị thương. Về nhà ở: 289 nhà bị thiệt hại, cụ thể: 02 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 01 nhà bị thiệt hại rất nặng (50% - 70%); 13 nhà bị thiệt hại nặng (30% - 50%); 273 nhà bị thiệt hại một phần (dưới 30%); 205 nhà bị ngập. Thiệt hại về nông nghiệp: Mưa bão đã làm 3.107 ha lúa bị ngập, đổ, gãy; 389 ha hoa màu, rau màu bị ngập, đổ; 1.120ha cây trồng hàng năm, 6,95 ha cây ăn quả, 49,4 ha cây lâm nghiệp, 151 cây xanh đô thị bị đổ gãy. Cuốn trôi 01 con bò. Thiệt hại về thủy sản: 240kg cá; 25,31 ha diện tích nuôi cá truyền thống và 52 m³ lồng bè nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. Thiệt hại về thủy

- Do chịu ảnh hưởng của Dải hội tụ nhiệt đới có trục qua Bắc và Trung Trung Bộ kết hợp với không khí lạnh tăng cường, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra một đợt mưa lớn diện rộng; tính từ ngày 21/9/2024 đến 01 giờ ngày 24/9/2024, lượng mưa trên địa bàn tỉnh phổ biến từ 100 - 160mm. Mưa lớn và lũ từ thượng nguồn gây ra một đợt lũ trên các sông trên địa bàn tỉnh, gây ngập lụt tại các khu vực trũng thấp, sạt lở tại nhiều vị trí; gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng, tài sản và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh³⁴./.

CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA

lợi: 110m kênh mương bị sạt lở, hư hỏng; 02 đập dâng, 04 cống bị hư hỏng; 85 guồng dẫn nước bị cuốn trôi; 1.800m bờ sông, bờ suối bị sạt lở. Thiệt hại về giao thông: (i) Trên các tuyến Quốc lộ uỷ thác (QL.15, 15C, 16, 217, 217B, 47) bị sạt lở taluy dương, taluy âm, sạt lở sa bồi mặt đường, rãnh dọc tại 245 vị trí với chiều dài 810m, khối lượng 19.253m³ đất; 01 cầu bị hư hỏng (cầu Sầy, xã Ý Tân, huyện Bá Thước bị xói lở tứ nón); (ii) Trên các tuyến đường tỉnh (TL.518B, 519B, 521, 521B, 521C, 521D, 521E, 523B, 523E, 530, 530B, 530C, 530D), đường tuần tra biên giới bị sạt lở taluy dương, taluy âm, sạt lở sa bồi mặt đường, rãnh dọc tại 267 vị trí với chiều dài 257m, khối lượng 13.956m³ đất; 01 cầu bị hư hỏng (cầu Ka Lọt ĐT.530 hỏng tứ nón); (iii) Trên tuyến đường liên xã, thôn: 60 điểm đường giao thông nông thôn bị sạt lở, hư hỏng; 02 ngầm tràn bị hư hỏng. Thiệt hại về công nghiệp: 28 cây cột điện hạ thế bị đổ, gãy. Thiệt hại về thông tin liên lạc: 35 cột đường dây viễn thông bị gãy, nghiêng; 01 cột ăng ten thu - phát sóng và 03 cột cáp quang bị gãy, đổ; 500m dây cáp quang bị vùi lấp. Thiệt hại khác: 04 xe máy bị cuốn trôi; 01 nhà công vụ, nhà làm việc bị ảnh hưởng; 01 công trình cấp nước sinh hoạt bị vùi lấp; 06 bán bình bị hư hỏng, 15m tường rào bị đổ; 01 thuyền sắt bị cuốn trôi.

³⁴ Tính đến 17 giờ ngày 24/9/2024, mưa, lũ đã gây ra thiệt hại cụ thể như sau: Thiệt hại về nhà ở: 219 nhà bị thiệt hại, 04 nhà di dời khẩn cấp, 323 nhà bị ngập. Thiệt hại về nông nghiệp, lâm nghiệp: Diện tích lúa bị ngập, thiệt hại: 525,11 ha, diện tích hoa màu, rau màu bị ngập, thiệt hại: 1.191,65 ha, diện tích cây trồng lâu năm: 11,72 ha bị ngập, thiệt hại; diện tích cây trồng hàng năm: 754,04 ha bị ngập, thiệt hại; 07 con bò và 1.250 con gia cầm bị chết; 394 ha ao cá truyền thống bị ngập, thiệt hại; 525 m³ lồng bè bị cuốn trôi. Thiệt hại về giáo dục: 11 điểm trường bị ảnh hưởng. Thiệt hại về thủy lợi, đê điều: 44m kênh mương bị sạt trôi hư hỏng; 5m kè sông Luông tại bản Bo Hiêng, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn bị xói mòn vào chân bờ kè; 100m bờ sông Mã thôn Ngọc Sinh xã Lương Ngoại huyện Bá Thước bị sạt lở; 02 sự cố đê điều, hiện đã xử lý xong. Thiệt hại về giao thông: Trên các tuyến Quốc lộ uỷ thác: Sạt lở taluy dương, sạt lở đá lăn, sa bồi mặt đường, sa bồi rãnh dọc tại 342 vị trí với khối lượng 158.219 m³; sạt lở taluy âm tại 18 vị trí với chiều dài 464m (QL.15, 15C, 16, 217, 217B, 47). 10 vị trí bị ngập, sạt lở gây tắc đường (QL15/01 vị trí; QL15C/05 vị trí; QL16/03 vị trí; QL217B/01 vị trí). Trên các tuyến đường tỉnh: Sạt lở taluy dương, sạt lở đá lăn, sa bồi mặt đường, sa bồi rãnh dọc tại 146 vị trí với khối lượng 12.927 m³; sạt lở taluy âm tại 06 vị trí với chiều dài 101m (ĐT.516; ĐT.519; ĐT.519B; ĐT.520B; ĐT.521; ĐT.521B; ĐT.521E; ĐT.522; ĐT.523; ĐT.523E; ĐT.530; ĐT.530B; ĐT.530C; Đường Pù Nhi - Mường Chanh; Đường Tuần tra biên giới). 09 vị trí bị ngập, sạt lở gây tắc đường (ĐT.516; ĐT.519B; ĐT.520B; ĐT.521; ĐT.522; ĐT.523; ĐT.523E). Trên tuyến đường địa phương: Bị sạt lở, hư hỏng tại 97 vị trí với khối lượng sạt lở taluy dương khoảng 5.778 m³, sạt lở taluy âm với chiều dài khoảng 100m. 08 cầu tràn, tràn bị hư hỏng; 02 cầu bị hư hỏng; 02 cống bị hư hỏng; ngầm tràn bị ngập gây tắc đường 05 điểm, gồm: 03 điểm (Lang Chánh), 01 điểm (Quan Sơn), 01 điểm (Ngọc Lặc). Thiệt hại về công nghiệp: Theo Báo cáo của Công ty Điện lực Thanh Hoá: Đường dây 110kV: Tại cột số 51 đường dây 171E9.21 Ngọc Lặc - 172 E9.12 Bá Thước nước suối to chảy siết sồi lồng về phía chân cột, đang cách chân cột khoảng 7,0 - 8,0 (m), hiện tại đường dây đang vận hành bình thường. Đường dây trung thế: Có 05 cột bị gãy, đổ; 05 cột bị sạt lở, nghiêng cột; 2450m dây dẫn hư hỏng, 26 sứ các loại hư hỏng; 01 TBA phụ tải bị sạt lở móng cột. Đường dây hạ thế: Có 24 cột bị gãy, đổ; 45 cột bị sạt lở, nghiêng cột; 580m dây dẫn hư hỏng. Thiệt hại về nước sạch và vệ sinh môi trường: 10m đường ống dẫn nước sinh hoạt thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn bị cuốn trôi. Thiệt hại khác: 02 nhà xưởng bị hư hỏng, 02 nhà công vụ bị ảnh hưởng do sạt taluy âm; 80m tường rào bị đổ.